

QUYỀN SỬA BẢN ÁN SƠ THẨM CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM THEO LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM

LÊ HUỲNH TẤN DUY*

Bài viết phân tích và đánh giá một số quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về quyền sửa bản án sơ thẩm của Hội đồng xét xử phúc thẩm, tập trung vào những thiếu sót, hạn chế là nguyên nhân gây nên khó khăn, vướng mắc cho việc áp dụng pháp luật trong thực tiễn. Trên cơ sở đó, tác giả đưa ra đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về quyền sửa bản án sơ thẩm của Hội đồng xét xử phúc thẩm.

Từ khóa: Tố tụng hình sự, xét xử phúc thẩm, sửa bản án sơ thẩm.

Ngày nhận bài: 05/11/2021; Biên tập xong: 17/11/2021; Duyệt đăng: 10/12/2021

The article analyzes and evaluates some regulations of Vietnamese criminal procedure law on the right to alter the first-instance court's judgment of the Trial panel of the appellate court, focusing on shortcomings and limitations that are the causes of difficulties for the application of the law in practice. Therefore, the author makes a proposal to amend and supplement the regulations of the 2015 Criminal Procedure Code on the right to alter the first-instance court's judgment of the Trial panel of the appellate court.

Keywords: Criminal procedure, appellate trial, alter the first-instance court's judgment.

1. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng có lợi cho bị cáo

Sửa bản án sơ thẩm theo hướng có lợi cho bị cáo là việc Tòa án cấp phúc thẩm trực tiếp sửa nội dung phần quyết định trong bản án sơ thẩm theo hướng làm tốt hơn tình trạng của bị cáo¹. Căn cứ vào các hình thức sửa bản án sơ thẩm theo hướng này hiện nay được quy định tại

¹ Khái niệm này được đưa ra trên cơ sở tham khảo và điều chỉnh khái niệm "Sửa bản án sơ thẩm theo hướng có lợi cho bị cáo" của tác giả Vũ Gia Lâm trong bài viết: "Phạm vi xét xử phúc thẩm về hình sự và quyền sửa bản án sơ thẩm", Tạp chí Luật học số 05/2010, tr. 48. Có tác giả diễn đạt đây là quyền "Sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ cho bị cáo", Xem: Nguyễn Tiến Pháp (2010), *Quyền hạn của Tòa án cấp phúc thẩm trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ luật, Trường Đại học Luật TP. HCM, tr. 50. Gần đây nhất, một tác giả khác sử dụng cụm từ "Sửa bản án sơ thẩm theo hướng có lợi cho người được áp dụng", Xem: Nguyễn Thị Thủy Tiên (2020), *Quyền sửa bản án sơ thẩm của Hội đồng xét xử phúc thẩm theo luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ luật, Trường Đại học Luật TP. HCM, tr. 5

khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015, theo đó, Hội đồng xét xử (HĐXX) phúc thẩm có quyền sửa bản án sơ thẩm có lợi cho bị cáo khi "có căn cứ xác định bản án sơ thẩm đã tuyên không đúng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo hoặc có tình tiết mới". Đây là một điểm mới được bổ sung vào BLTTHS năm 2015 giúp cho việc sửa bản án có căn cứ pháp lý rõ ràng. Về các hình thức sửa bản án sơ thẩm theo hướng có lợi cho bị cáo, nhà làm luật cũng mở rộng hơn thông qua việc bổ sung quy định cho phép HĐXX phúc thẩm "không áp dụng hình phạt bổ sung; không áp dụng biện pháp tư pháp"; "giảm mức hình phạt tù và cho hưởng án treo"². Sự bổ sung này là cần thiết giúp Tòa án cấp phúc thẩm nhanh chóng khắc phục sai sót của Tòa án cấp sơ thẩm vì không cần phải hủy án để xét xử lại; qua đó kịp thời bảo vệ quyền

* Tiến sĩ, Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh

² Các điểm a, e khoản 1 Điều 357 BLTTHS năm 2015

và lợi ích hợp pháp cho bị cáo. Bên cạnh những điểm tiến bộ trên có hai vấn đề sau đây cần bàn luận:

a. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng áp dụng điều, khoản của Bộ luật Hình sự về tội nhẹ hơn

Trường hợp này được hiểu là theo nhận định của Tòa án cấp phúc thẩm thì hành vi của bị cáo phạm vào “tội nhẹ hơn” tội mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng. Tuy nhiên, từ trước đến nay chưa có văn bản pháp luật hướng dẫn cụ thể thế nào là “điều, khoản của Bộ luật Hình sự (BLHS) về tội nhẹ hơn”. Các tiêu chí cụ thể để so sánh mức độ nặng nhẹ của các tội danh được đưa ra và giải thích bởi Mục 2 Phần II Nghị quyết số 04/2004/HĐTP ngày 05/11/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao (TANDTC) Hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ ba “Xét xử sơ thẩm” của BLTTHS năm 2003 (gọi tắt là Nghị quyết số 04/2004/HĐTP). Tuy nhiên, mục này của Nghị quyết giải thích cho vấn đề giới hạn xét xử ở cấp sơ thẩm, tập trung vào việc so sánh mức độ nặng, nhẹ giữa tội phạm Viện kiểm sát truy tố với tội phạm mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo.

Theo quan điểm của tác giả, “điều, khoản của BLHS về tội nhẹ hơn” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 357 BLTTHS năm 2015 bao gồm hai trường hợp³:

Trường hợp thứ nhất, Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng một tội danh khác có mức độ nghiêm khắc thấp hơn so với tội danh đã được áp dụng bởi Tòa án cấp sơ thẩm. Ví dụ: Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nhẹ hơn tội giết người vì hình phạt nặng nhất đối với tội thứ nhất là tù chung thân

(khoản 5 Điều 134 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017))⁴ trong khi đối với tội thứ hai thì đó là hình phạt tử hình (khoản 1 Điều 123 BLHS năm 2015).

Trường hợp thứ hai, Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng một khoản nhẹ hơn trong cùng một điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên. Theo đó, “tội nhẹ hơn” là “loại tội phạm” nhẹ hơn trong một điều luật về một tội danh cụ thể. Ví dụ Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo về tội cố ý gây thương tích theo khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015 (phạt tù từ 02 năm đến 06 năm: Tội phạm nghiêm trọng); Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, áp dụng khoản 1 của cùng điều luật này (phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: Tội phạm ít nghiêm trọng). Nói một cách đơn giản đây là trường hợp chuyển khung hình phạt. Trường hợp này khác với giảm hình phạt vì giảm hình phạt là giảm mức độ nghiêm khắc của hình phạt trong cùng một khoản của điều luật áp dụng.

Thực tiễn xét xử cho thấy, có trường hợp HĐXX phúc thẩm xác định có căn cứ áp dụng tội danh khác (điều luật khác) nhẹ hơn so với tội danh mà cấp sơ thẩm đã áp dụng nhưng khung hình phạt (khoản) thì lại nặng hơn. Như vậy trong trường hợp này có được xem là HĐXX phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng có lợi cho bị cáo hay không? Vì về lý thuyết, bị cáo đã được HĐXX phúc thẩm xem xét và quyết định “áp dụng điều, khoản của BLHS về tội nhẹ hơn” nhưng trên thực tế lại gây bất lợi cho bị cáo vì hình phạt của tội danh nhẹ hơn (ở cấp phúc thẩm) lại cao hơn hình phạt của tội danh nặng hơn (ở cấp sơ thẩm).

Ví dụ: Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo theo khoản 1 Điều 322 BLHS năm

³ Tham khảo thêm: Nguyễn Tiến Pháp (2010), tldđ (chú thích số 01), tr. 52

⁴ Gọi tắt là BLHS năm 2015

2015 (Tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc); HĐXX phúc thẩm cho rằng cần phải áp dụng khoản 2 Điều 321 BLHS năm 2015 (Tội đánh bạc). Nếu căn cứ vào cách giải thích của Nghị quyết số 04/2004/HĐTP thì tội đánh bạc nhẹ hơn tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc⁵. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra ở đây là hình phạt chính của khoản 1 Điều 322 BLHS năm 2015 là phạt tù từ 01 năm đến 05 năm, trong khi đó hình phạt chính của khoản 2 Điều 321 BLHS năm 2015 là phạt tù từ 03 năm đến 07 năm. Như vậy, khoản cụ thể của Điều luật mà Tòa án cấp phúc thẩm muốn áp dụng thì lại nặng hơn so với bản án sơ thẩm. Gặp tình huống này HĐXX phúc thẩm đã rất lúng túng và cuối cùng đã tuyên giữ nguyên bản án sơ thẩm⁶ trong khi đúng ra là phải hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại vì bản án sơ thẩm có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật nhưng không thuộc trường hợp HĐXX phúc thẩm sửa bản án theo quy định tại Điều 357 BLTTHS năm 2015.

Nguyên nhân dẫn đến sự lúng túng và giải quyết không thống nhất trong thực tiễn là do thiếu vắng những hướng dẫn cụ thể về thẩm quyền của HĐXX phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm nói chung và sửa án theo hướng áp dụng điều, khoản của BLHS về tội nhẹ hơn nói riêng. Nghị quyết số 04/2004/HĐTP không trực tiếp giải thích về vấn đề này và đồng thời cũng đã hết hiệu lực pháp luật vì hướng dẫn cho BLTTHS năm 2003⁷. Ngoài ra, Nghị quyết

số 04/2004/HĐTP cũng chưa đề cập đến trường hợp khung hình phạt của tội danh nhẹ hơn mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng lại nghiêm khắc hơn khung hình phạt của tội danh do Viện kiểm sát truy tố.

b. Sửa bản án sơ thẩm cho những bị cáo không kháng cáo hoặc không bị kháng cáo, kháng nghị

Theo quy định tại khoản 3 Điều 357 BLTTHS năm 2015, khi có căn cứ HĐXX phúc thẩm vẫn có thể “*giảm hình phạt; áp dụng điều, khoản của BLHS về tội nhẹ hơn; chuyển sang hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn; giữ nguyên mức hình phạt tù và cho hưởng án treo; giảm mức bồi thường thiệt hại*” cho những bị cáo không kháng cáo hoặc không bị kháng cáo, kháng nghị. Về lý thuyết, Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét phần nội dung của bản án sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị; những phần không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên muốn xem xét lại phải dùng thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm. Tuy nhiên, vì lý do nhân đạo, công bằng cũng như để kịp thời khắc phục những sai sót của bản án sơ thẩm, pháp luật tổ tụng hình sự (TTHS) cho phép Tòa án cấp phúc thẩm, khi có căn cứ, được quyền sửa phần nội dung của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị. Quy định này tương thích với quy định về phạm vi xét xử phúc thẩm tại Điều 345 BLTTHS năm 2015 đó là: “*Nếu xét thấy cần thiết, có thể xem xét các phần khác của bản án, quyết định không bị kháng cáo, kháng nghị*”⁸.

⁵ Theo quy định tại khoản 2 Điều 321 BLHS năm 2015 thì mức hình phạt tù cao nhất có thể áp dụng đối với người phạm tội đánh bạc là 07 năm; trong khi quy định tương ứng đối với người phạm tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc theo khoản 2 Điều 322 BLHS năm 2015 là 10 năm tù

⁶ Thông tin được cung cấp bởi một Thẩm phán (đề nghị không nêu tên) của TAND cấp tỉnh

⁷ Khoản 4 Điều 154 Luật ban hành văn bản quy phạm

pháp luật năm 2015 quy định: “*Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực thì văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành văn bản đó cũng đồng thời hết hiệu lực*”.

⁸ Có quan điểm cho rằng quy định về phạm vi xét xử phúc thẩm tại Điều 241 BLTTHS năm 2003 (Điều 345 BLTTHS năm 2015) cho phép Tòa án cấp phúc thẩm xem xét các phần khác của bản án, quyết định không bị kháng cáo, kháng nghị là không hợp lý, mâu thuẫn với nguyên tắc “Thực hiện chế độ hai cấp xét xử”

Trước đây theo Thông tư liên ngành số 01/TTLN ngày 08/12/1988 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong BLTTHS (mục 4 Phần VI) thì *“trường hợp cần thiết là trường hợp ở phần không bị kháng cáo hoặc kháng nghị có điểm cần được giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo”*. Do đó có thể suy luận đối với các vấn đề khác trong bản án sơ thẩm như bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng,... nếu không có kháng cáo, kháng nghị thì Tòa án cấp phúc thẩm không được xem xét. Có quan điểm cho rằng, hướng dẫn này là không hợp lý dựa trên lập luận Tòa án cấp phúc thẩm cần thực hiện nhiệm vụ phát hiện và khắc phục kịp thời những sai sót của Tòa án cấp sơ thẩm với điều kiện không làm xấu đi tình trạng của bị cáo và không gây bất lợi cho những người tham gia tố tụng khác⁹.

So với quy định tại khoản 2 Điều 249 BLTTHS năm 2003 thì phạm vi các hình thức sửa bản án sơ thẩm cho những bị cáo không kháng cáo hoặc không bị kháng

(hiện nay là nguyên tắc “Chế độ xét xử sơ thẩm, phúc thẩm được bảo đảm), nguyên tắc “Bảo đảm hiệu lực của bản án, quyết định của Tòa án” và tính chất của xét xử phúc thẩm. Trên cơ sở đó, người có quan điểm này đề xuất sửa đổi quy định về phạm vi xét xử phúc thẩm theo hướng Tòa án cấp phúc thẩm chỉ được xét xử lại toàn bộ hoặc một phần vụ án (khi toàn bộ hoặc một phần bản án sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị); đồng thời bỏ quy định tại khoản 2 Điều 249 BLTTHS năm 2003 (khoản 3 Điều 357 BLTTHS năm 2015), Xem: Vũ Gia Lâm, tldđ (chú thích số 01), Tạp chí Luật học số 05/2010, tr. 46-50

⁹ Nguyễn Hải Bằng, Nguyễn Cẩm Tú (03/12/2019), “Thẩm quyền xét xử các vụ án về tội phạm xâm hại tình dục trẻ em tại Tòa án nhân dân cấp cao; một số vướng mắc và kiến nghị”, *Tạp chí TAND điện tử*, truy cập ngày 01/11/2021 tại: <https://tapchitoaan.vn/bai-viet/phap-luat/thuc-tien-thuc-hien-tham-quyen-xet-xu-cac-vu-an-ve-toi-pham-xam-hai-tinh-duc-tre-em-tai-toa-an-nhan-dan-cap-cao-nhung-ton-tai-vuong-mac-va-mot-so-kien-nghi>

cáo, kháng nghị quy định tại khoản 3 Điều 357 BLTTHS năm 2015 là rộng hơn. Theo đó, HĐXX phúc thẩm khi có căn cứ còn có thể *giảm mức bồi thường thiệt hại và sửa quyết định xử lý vật chứng*. Có quan điểm cho rằng, đối với phần trách nhiệm dân sự, nếu không có hoặc không bị kháng cáo, kháng nghị thì HĐXX phúc thẩm cần tôn trọng ý chí các bên và không nên xem xét¹⁰. Theo tác giả, đây là quan điểm hợp lý vì vấn đề bồi thường thiệt hại mang bản chất thuần túy là vấn đề dân sự. Mặc dù được kết hợp giải quyết trong vụ án hình sự nhưng vẫn chịu sự điều chỉnh của luật dân sự, luật tố tụng dân sự, cụ thể đó là nguyên tắc: *“Cá nhân, pháp nhân xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình trên cơ sở tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận. Mọi cam kết, thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội có hiệu lực thực hiện đối với các bên và phải được chủ thể khác tôn trọng”*¹¹, và nguyên tắc về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự: *“Trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự, đương sự có quyền chấm dứt, thay đổi yêu cầu của mình hoặc thỏa thuận với nhau một cách tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội”*¹².

Về xử lý vật chứng, tác giả cho rằng, đây không phải vấn đề dân sự nên khi có căn cứ HĐXX phúc thẩm có quyền sửa bản án sơ thẩm ngay cả khi không có kháng cáo, kháng nghị về phần này. Trong cả ba BLTTHS thì sửa quyết định xử lý vật chứng luôn được quy định cùng với giảm mức bồi thường thiệt hại và đặt trong nhóm các hình thức sửa bản án sơ thẩm theo hướng có lợi cho bị cáo. Lý

¹⁰ Nguyễn Thị Thủy Tiên (2020), tldđ (chú thích số 01), tr. 25.

¹¹ Khoản 2 Điều 3 Bộ luật Dân sự năm 2015.

¹² Khoản 2 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

do là vì các vật chứng của vụ án hình sự (VAHS) thường bị tịch thu, nộp ngân sách nhà nước hoặc tiêu hủy. Do đó có thể suy luận một khi Tòa án cấp phúc thẩm sửa quyết định xử lý vật chứng trong bản án sơ thẩm thì thường sẽ theo hướng tốt hơn cho bị cáo hoặc người tham gia tố tụng khác. Cũng có thể nhà làm luật cho rằng nếu đã là vật chứng của VAHS thì việc xử lý là trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng (trong giai đoạn này là Tòa án cấp phúc thẩm) và không đặt ra vấn đề có lợi hay không có lợi cho bị cáo, người tham gia tố tụng khác¹³.

2. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng không có lợi cho bị cáo

Sửa bản án sơ thẩm theo hướng không có lợi cho bị cáo là trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm trực tiếp sửa nội dung phần quyết định trong bản án sơ thẩm theo hướng làm xấu hơn tình trạng của bị cáo¹⁴. Khoản 2 Điều 357 BLTTHS năm 2015 đã quy định cụ thể các hình thức sửa bản án sơ thẩm theo hướng này. Cách hiểu về những hình thức sửa bản án sơ thẩm theo hướng không có lợi cho bị cáo ngược lại với phần phân tích ở trên về sửa bản án sơ thẩm theo hướng có lợi¹⁵. Liên

quan đến quyền sửa bản án sơ thẩm theo hướng không có lợi cho bị cáo của Tòa án cấp phúc thẩm cũng có hai vấn đề sau đây cần làm rõ:

a. Điều kiện sửa bản án sơ thẩm theo hướng không có lợi cho bị cáo

Để sửa bản án sơ thẩm theo hướng không có lợi cho bị cáo phải có hai điều kiện cần và đủ: (1) Viện kiểm sát kháng nghị và/hoặc bị hại kháng cáo yêu cầu; và (2) Có căn cứ để sửa án theo hướng yêu cầu. Từ trước đến nay pháp luật TTHS chỉ quy định cho hai chủ thể là Viện kiểm sát và bị hại quyền kháng nghị, kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không có lợi cho bị cáo. Thực tiễn đã có trường hợp bị cáo kháng cáo xin tăng hình phạt cho chính mình và Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận sửa bản án sơ thẩm theo hướng này. Bản án phúc thẩm sau đó đã bị Hội đồng Giám đốc thẩm hủy để xét xử phúc thẩm lại¹⁶. Có ý kiến cho rằng, để đảm bảo sự nhận thức và áp dụng pháp luật được thống nhất, nhà làm luật nên bổ sung vào khoản 3 Điều 249 BLTTHS năm 2003 (khoản 2 Điều 357 BLTTHS năm 2015) những người có quyền kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không có lợi cho bị cáo, ngoài bị hại còn bao gồm: Người đại diện của bị hại, của nguyên đơn dân sự; người có quyền lợi liên quan đến vụ án¹⁷. Tác giả cho rằng, tính ổn định của bản án sơ thẩm là một yêu cầu cần phải đảm bảo nhưng tính đúng đắn, khách quan và công bằng còn quan trọng hơn. Do đó về nguyên tắc, không nên giới hạn chủ

¹³ Tham khảo thêm: Lê Huỳnh Tấn Duy (2021), *Thẩm quyền của Hội đồng xét xử phúc thẩm đối với bản án hình sự sơ thẩm: Phân tích quy định của pháp luật và bình luận bản án, quyết định*, Nxb. Đại học quốc gia TP. HCM, tr. 84-86

¹⁴ Có tác giả đặt tên cho quyền hạn này của HĐXX phúc thẩm là quyền “Sửa bản án sơ thẩm theo hướng tăng nặng đối với bị cáo”, Xem: Nguyễn Tiến Pháp (2010), tltđ (chú thích số 01), tr. 60. Tác giả khác lại sử dụng cụm từ quyền “Sửa bản án sơ thẩm theo hướng không có lợi cho người được áp dụng”, Xem: Nguyễn Thị Thủy Tiên (2020), tltđ (chú thích số 01), tr. 28

¹⁵ Tham khảo: Đinh Văn Quế, “*Thẩm quyền và phạm vi quyết định của Tòa án cấp phúc thẩm*”. Nguồn truy cập: http://hvta.toaan.gov.vn/portal/page/portal/tandtc/baiviet?p_page_id=1754190&p_cateid=1751909&article_details=1&item_id=14078051, truy cập ngày 04/11/2021

¹⁶ Xem: Quyết định giám đốc thẩm số 36/2017/HS-GĐT ngày 07/06/2017 của Ủy ban Thẩm phán TAND cấp cao tại TP. HCM

¹⁷ Nguyễn Văn Trọng, “*Hoàn thiện một số quy định của BLTTHS về xét xử phúc thẩm*”, Tạp chí Dân chủ & Pháp luật, số 11 (236)/2011, tr. 38

thể có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không có lợi cho bị cáo¹⁸. Hơn nữa cần phải lưu ý Tòa án cấp phúc thẩm chỉ chấp nhận những kháng cáo nào có căn cứ. Điều này cũng phù hợp với quy định về chủ thể có quyền kháng cáo tại Điều 331 BLTTHS năm 2015.

b. Trường hợp Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điều, khoản của Bộ luật Hình sự về tội nặng hơn

Trường hợp này được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 357 BLTTHS năm 2015. Trong giới nghiên cứu khoa học pháp lý đã từng có quan điểm khác nhau về nhận thức như thế nào là áp dụng “điều, khoản của BLHS về tội nặng hơn”. Có quan điểm cho rằng “áp dụng điều khoản của BLHS về tội nặng hơn” chỉ bao gồm trường hợp chuyển từ khung hình phạt có mức hình phạt nhẹ sang khung hình phạt có mức hình phạt nặng hơn, chứ không được chuyển từ tội danh nhẹ sang tội danh khác nặng hơn đối với bị cáo¹⁹. Tác giả theo quan điểm này lập luận trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm kết án bị cáo về một tội danh nặng hơn (chưa từng được xét xử ở cấp sơ thẩm) thì không phải là “áp dụng điều khoản của BLHS về tội nặng hơn” mà đã kết án bị cáo về một tội danh khác với tội danh

mà Viện kiểm sát đã truy tố, và như vậy Tòa án cấp phúc thẩm đã vi phạm về giới hạn của việc xét xử. Tuy nhiên, nếu Viện kiểm sát đã truy tố về tội danh nặng hơn này nhưng vì nhiều lý do mà Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận nên Viện kiểm sát kháng nghị. Khi đó, Tòa án cấp phúc thẩm lại có quyền kết án bị cáo về tội danh nặng hơn. Có thể nhận thấy tác giả này đã có sự nhầm lẫn trong việc giải thích cụm từ “điều, khoản của BLHS về tội nặng hơn” với điều kiện để được sửa bản án sơ thẩm theo hướng này. Rõ ràng về mặt câu chữ không thể giới hạn việc áp dụng điều, khoản của BLHS về tội nặng hơn chỉ là trường hợp chuyển sang khung hình phạt nghiêm khắc hơn. Do đó theo quan điểm cá nhân, tác giả cho rằng áp dụng “điều, khoản của BLHS về tội nặng hơn” bao gồm hai trường hợp: (1) Chuyển sang khung hình phạt khác nặng hơn và (2) Chuyển sang tội danh khác nặng hơn.

Tác giả đồng ý với lập luận rằng Tòa án cấp phúc thẩm không được quyết định một tội danh nặng hơn đối với bị cáo khi mà tội danh này chưa từng được Viện kiểm sát truy tố ở cấp sơ thẩm vì như vậy sẽ vi phạm quyền bào chữa của bị cáo. Đây có thể xem là một điều kiện bổ sung đặc biệt để sửa bản án sơ thẩm theo hình thức này bên cạnh hai điều kiện là có kháng cáo, kháng nghị yêu cầu và có căn cứ để sửa án như đã phân tích ở trên. Cũng chính vì lẽ đó mà theo quy định hiện nay tại điểm a khoản 1 Điều 358 BLTTHS năm 2015 thì trong trường hợp cần khởi tố, điều tra về tội nặng hơn tội đã tuyên trong bản án sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm phải hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại. Quy định này mặc dù kéo dài quá trình tố tụng nhưng bảo đảm tốt hơn quyền bào chữa cho người bị buộc

¹⁸ Tham khảo: Nguyễn Thị Thủy Tiên (2020), t.tđd (chú thích số 01), tr. 42. Tác giả luận văn này có quan điểm tương đồng khi cho rằng cần sửa đổi khoản 2 Điều 357 BLTTHS năm 2015 theo hướng bỏ hai cụm từ “Viện kiểm sát” và “bị hại”, cụ thể như sau: “Trường hợp có kháng nghị hoặc kháng cáo yêu cầu thì Hội đồng xét xử phúc thẩm có thể...”

¹⁹ Đinh Văn Quế (09/01/2012), “Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng Điều khoản của BLHS về tội nặng hơn: Những vấn đề lý luận và thực tiễn”. Nguồn truy cập: http://hvtv.toaan.gov.vn/portal/page/portal/tandtc/baiviet?p_page_id=1754190&p_cateid=1751909&article_details=1&item_id=14078019, truy cập ngày 04/11/2021

tội (đặc biệt đối với trường hợp bào chữa chỉ định) và hạn chế oan, sai.

Một vấn đề khác là nếu loại tội phạm (khi chuyển khung) và tội danh nặng hơn không còn thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm (chỉ đặt ra đối với Tòa án nhân dân (TAND) cấp huyện và Tòa án quân sự khu vực) thì Tòa án cấp phúc thẩm phải giải quyết như thế nào? Trước đây theo hướng dẫn tại điểm c mục 5 Phần VI Thông tư liên ngành số 01/1988/TTLN ngày 08/12/1988 thì Tòa án cấp phúc thẩm phải hủy bản án sơ thẩm rồi chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp để làm lại bản cáo trạng và TAND cấp tỉnh hoặc Tòa án quân sự cấp quân khu xét xử sơ thẩm lại cho đúng thẩm quyền. Hướng dẫn này không còn phù hợp vì như đã phân tích trường hợp này theo quy định hiện nay là phải hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại. Do đó nếu vụ án không còn thuộc thẩm quyền của Tòa án trước đây đã xét xử sơ thẩm lần thứ nhất thì phải chuyển vụ án lên cấp trên trực tiếp để tiến hành điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm lại.

3. Sửa bản án sơ thẩm trong các trường hợp khác

Một trong những nguyên tắc cơ bản của luật TTHS Việt Nam là nguyên tắc “*Bảo pháp chế xã hội chủ nghĩa trong luật tố tụng hình sự*” được ghi nhận tại khoản 1 Điều 8 Hiến pháp 2013, Điều 7 BLTTHS năm 2015 với mục đích đảm bảo tính hợp pháp và tính có căn cứ cho từng giai đoạn cũng như toàn bộ quá trình TTHS²⁰.

²⁰ Khoản 1 Điều 8 Hiến pháp 2013: “*Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ.*”

Điều 7 BLTTHS năm 2015: “*Mọi hoạt động tố tụng hình sự phải được thực hiện theo quy định của Bộ luật này. Không được giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử ngoài những căn cứ và trình tự, thủ*

Như vậy, thẩm quyền của HĐXX phúc thẩm nói chung và quyền sửa bản án sơ thẩm nói riêng cũng phải tuân thủ theo quy định của BLTTHS. Bản án của Tòa án dù ở cấp xét xử nào cũng nhân danh Nhà nước. Do đó mọi sự điều chỉnh dù là về nội dung hay hình thức của bản án hình sự sơ thẩm theo hướng có lợi, bất lợi hay chỉ đơn thuần là đảm bảo tính chính xác, đầy đủ về cơ sở pháp lý, về hình thức trình bày cũng phải được sự cho phép của pháp luật tức là phải có căn cứ pháp lý về tố tụng (được quy định trong BLTTHS)²¹. Nếu như BLTTHS hiện hành đã quy định về các hình thức sửa bản án sơ thẩm thì không thể chỉ dựa vào thẩm quyền chung (điểm b khoản 1 Điều 355) để sửa bản án sơ thẩm mà phải căn cứ vào những quy định cụ thể ở Điều 357.

Thực tế cho thấy ngoài những trường hợp sửa bản án sơ thẩm được quy định tại khoản 1 Điều 357 BLTTHS năm 2015 thì Tòa án cấp phúc thẩm tại một số địa phương còn sửa bản án sơ thẩm theo các hình thức khác có lợi cho bị cáo (ví dụ miễn, giảm án phí). Thêm vào đó, có những trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm chỉ đơn thuần sửa một số lỗi thiếu sót trong bản án sơ thẩm mà không làm thay đổi nội dung chính của các quyết định (ví dụ bổ sung những thông tin còn thiếu về việc chấp hành án treo) hoặc điều chỉnh Điều luật áp dụng cho phù hợp (Điều luật của BLHS năm 2015 thay cho BLHS năm 1999...).

a. Trường hợp Hội đồng xét xử phúc thẩm miễn án phí cho bị cáo

Trường hợp này được minh chứng qua

tục do Bộ luật này quy định.”

²¹ Nguyễn Thị Thanh Trà (2021), *Quyền sửa bản án sơ thẩm của Hội đồng xét xử phúc thẩm theo luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Luật TP. HCM, tr. 25

việc phân tích Bản án số 24/2020/HS-PT ngày 25/02/2020 của TAND tỉnh Bạc Liêu. Trong vụ án này, HĐXX phúc thẩm nhận thấy bị cáo Trần Văn B thuộc trường hợp hộ nghèo (có giấy chứng nhận)²² nên đã căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 BLTTHS năm 2015 chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Văn B, *sửa bản án sơ thẩm theo hướng miễn toàn bộ án phí cho bị cáo*.

Có thể thấy rằng, đây là trường hợp sửa bản án sơ thẩm theo hướng có lợi cho bị cáo. Thế nhưng khoản 1 Điều 357 BLTTHS năm 2015 không ghi nhận trường hợp này. Cũng chính vì vậy mà TAND tỉnh Bạc Liêu trong phần Quyết định của Bản án phúc thẩm chỉ nêu căn cứ chung là Điều 357 BLTTHS năm 2015 mà không có điểm, khoản cụ thể nào. Có thể có quan điểm cho rằng vấn đề án phí là nghĩa vụ của bị cáo đối với Nhà nước, cụ thể ở đây là Tòa án, và đã được điều chỉnh bởi văn bản pháp luật khác nên không cần bổ sung vào Điều 357 BLTTHS năm 2015. Những vấn đề có liên quan đến án phí như mức thu, nghĩa vụ nộp, miễn, giảm,... chắc chắn không phải đối tượng điều chỉnh của luật TTHS. Nhưng ở đây chúng ta đang đề cập đến cơ sở pháp lý để Tòa án cấp phúc thẩm sửa phần quyết định của bản án sơ thẩm về án phí. Tất nhiên Tòa án cấp phúc thẩm phải căn cứ vào văn bản pháp luật chuyên biệt (Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14) để xem xét bị cáo có thuộc trường hợp miễn án phí hay không. Nhưng để sửa bản án sơ thẩm về phần này thì bắt buộc phải có cơ sở pháp lý rõ ràng trong BLTTHS năm 2015 trao thẩm quyền cho Tòa án cấp phúc thẩm.

²² Căn cứ vào các Điều 135; 136 BLTTHS năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

b. Trường hợp Hội đồng xét xử phúc thẩm buộc bị cáo phải chịu án phí

Trường hợp này được minh chứng qua việc phân tích Bản án số 42/2010/HS-PT ngày 26/5/2020 của TAND tỉnh Phú Yên. Bị cáo Võ Hoa bị Tòa án cấp sơ thẩm (TAND thành phố Tuy Hòa) tuyên phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” với hình phạt là 09 tháng cải tạo không giam giữ, nhưng được miễn khẩu trừ thu nhập. Về phần án phí, bị cáo cũng được miễn án phí hình sự sơ thẩm vì thuộc hộ cận nghèo. Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) thành phố Tuy Hòa sau đó đã kháng nghị theo hướng đề nghị áp dụng án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Võ Hoa. Tòa án cấp phúc thẩm (TAND tỉnh Phú Yên) đã chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát và sửa bản án sơ thẩm, buộc bị cáo Võ Hoa phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Tòa án cấp phúc thẩm cho rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào khoản 5 Điều 11 ở phần những quy định chung của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 để miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo là không phù hợp.

Ngược lại với trường hợp miễn toàn bộ án phí cho bị cáo trong vụ án trước đó, bị cáo Võ Hoa trong vụ án này bị Tòa án cấp phúc thẩm buộc phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Đây cũng là một hình thức sửa bản án sơ thẩm chưa được ghi nhận trong các BLTTHS. Mặc dù số tiền phải nộp không lớn nhưng đã ảnh hưởng đến lợi ích của bị cáo và như đã đề cập một khi muốn sửa bản án sơ thẩm về bất kỳ nội dung nào cũng phải được pháp luật TTHS quy định rõ ràng.

c. Sửa bản án sơ thẩm vì những thiếu sót liên quan đến án treo

Trường hợp này được minh chứng qua việc phân tích Bản án số 10/2020/HS-PT

ngày 19/02/2020 của TAND tỉnh Bạc Liêu. Bị cáo Bùi Quốc C bị Tòa án cấp sơ thẩm (TAND thị xã Giá Rai) kết án về tội “Chống người thi hành công vụ” theo khoản 1 Điều 330 BLHS năm 2015. Hình phạt được áp dụng là 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm kể từ ngày tuyên án. Bị cáo không kháng cáo nhưng VKSND tỉnh Bạc Liêu kháng nghị bản án này vì lý do Tòa án cấp sơ thẩm đã có thiếu sót khi cho bị cáo hưởng án treo mà không tuyên hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định tại khoản 5 Điều 65 BLHS năm 2015 và không ghi rõ trong bản án: “Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú phải thực hiện theo Điều 69²³ Luật Thi hành án hình sự”.

Đối với các yêu cầu nêu trong kháng nghị của VKSND tỉnh Bạc Liêu, Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ và quyết định sửa bản án sơ thẩm, bổ sung những nội dung còn thiếu. Ở điểm này có thể thấy do BLTTHS năm 2015 không quy định về trường hợp sửa bản án sơ thẩm theo hướng bổ sung những thiếu sót liên quan đến án treo nên Tòa án cấp phúc thẩm trong vụ án trên chỉ có thể căn cứ vào Điều 357 BLTTHS năm 2015 nói chung mà không có điểm, khoản cụ thể.

Vấn đề đặt ra là căn cứ vào quy định nào mà VKSND tỉnh Bạc Liêu cho rằng nội dung phần Quyết định trong Bản án sơ thẩm của TAND thị xã Giá Rai có sự thiếu sót nên đã kháng nghị và được chấp nhận? Điều này hoàn toàn không được đề cập trong Bản án phúc thẩm. Câu trả lời đó chính là quy định tại điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng

dẫn áp dụng Điều 65 của BLHS về án treo. Theo đó, ngoài những nội dung theo quy định tại Điều 260 BLTTHS năm 2015, bản án cho người được hưởng án treo phải ghi rõ: (1) Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự; và (2) Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định tại khoản 5 Điều 65 BLHS năm 2015: “Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

d. Sửa bản án sơ thẩm vì áp dụng sai Bộ luật Hình sự

Trường hợp này được minh chứng qua việc phân tích Bản án số 41/2019/HS-PT ngày 22/01/2019 của TAND cấp cao tại TP. HCM.

Vụ án có 06 bị cáo là: Nguyễn Ngọc Đ, Lê Quang V, Nguyễn Đức H, Nguyễn Văn V1, Phạm Đình C, Bành Lê Trung T3. Tất cả bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm (TAND TP. HCM) kết án về tội “Cố ý gây thương tích” với mức hình phạt khác nhau. Cơ sở pháp lý để định tội danh và quyết định hình phạt là khoản 2 Điều 104 của BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Như vậy TAND TP. HCM đã áp dụng quy định của cả hai BLHS.

Sau đó, 03 bị cáo Nguyễn Ngọc Đ, Lê Quang V, Nguyễn Đức H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tòa án cấp phúc thẩm (TAND cấp cao tại TP. HCM) cho rằng mức hình phạt mà cấp sơ thẩm áp dụng với các bị cáo là phù hợp, đúng pháp luật nên không chấp nhận kháng cáo. Tuy nhiên, về phần cơ sở pháp lý để

²³ Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự năm 2010 nay là Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019

định tội danh thì Tòa án cấp sơ thẩm đã có vi phạm. Thời điểm xảy ra tội phạm là ngày 24/12/2017 nên về lý thuyết phải áp dụng điều luật của BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Tuy nhiên, điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội quy định: *“Các điều khoản của BLHS năm 2015 xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng; quy định hình phạt nhẹ hơn, tình tiết giảm nhẹ mới; miễn TNHS, miễn hình phạt, giảm hình phạt, xóa án tích và các quy định khác có lợi cho người phạm tội thì được áp dụng đối với cả những hành vi phạm tội xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018 mà sau thời điểm đó mới bị phát hiện, đang bị điều tra, truy tố, xét xử hoặc đối với người đang được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt, xóa án tích”*.

So sánh mức độ nghiêm khắc có thể nhận thấy khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nhẹ hơn khoản 2 Điều 104 BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009)²⁴. Vì vậy theo Nghị quyết số 41/2017/QH14, Tòa án cấp sơ thẩm phải áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xét xử các bị cáo. Trong trường hợp này Tòa án cấp sơ thẩm chỉ áp dụng sai cơ sở pháp lý còn về tội danh “Cố ý gây thương tích” và mức hình phạt là phù hợp.

Vì các lẽ trên, *Tòa án cấp phúc thẩm chỉ sửa bản án sơ thẩm về Điều luật áp dụng*. Căn cứ sửa án, trong phần Quyết định của Bản án phúc thẩm có nêu đó là điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 BLTTHS năm 2015. Đây là các căn cứ để HĐXX phúc

thẩm không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Việc sửa điều luật áp dụng không làm thay đổi tội danh và mức hình phạt của các bị cáo, nhưng vẫn là trường hợp sửa bản án sơ thẩm. Thế nhưng hiện nay BLTTHS năm 2015 chưa ghi nhận trường hợp sửa bản án sơ thẩm về Điều luật áp dụng. Do đó, tạm thời Tòa án cấp phúc thẩm (TAND cấp cao tại TP. HCM) có thể bổ sung thêm vào phần Quyết định của Bản án phúc thẩm một căn cứ chung là Điều 357 BLTTHS năm 2015 như cách làm của một số Tòa án khác trong các trường hợp tương tự. Sai sót của Tòa án cấp sơ thẩm trong vụ án này là một dạng sai sót rất cơ bản về nguyên tắc áp dụng pháp luật theo hướng có lợi cho người phạm tội, có thể xảy ra trong thời điểm giao thoa giữa các BLHS, cụ thể ở đây là BLHS năm 1999 và BLHS năm 2015.

4. Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số quy định của pháp luật tố tụng hình sự về quyền sửa bản án sơ thẩm của Hội đồng xét xử phúc thẩm

Từ những phân tích trên, tác giả kiến nghị Hội đồng thẩm phán TANDTC cần ban hành Nghị quyết mới hướng dẫn áp dụng một số quy định về thẩm quyền của HĐXX phúc thẩm đối với bản án hình sự sơ thẩm, bao gồm quy định tại điểm b khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 357 BLTTHS năm 2015 về sửa bản án sơ thẩm theo hướng áp dụng điều, khoản của BLHS về tội nhẹ hơn hoặc tội nặng hơn.

Thứ nhất, về các trường hợp áp dụng điều, khoản của BLHS về tội nhẹ hơn, tác giả đề xuất giải thích theo hướng bao gồm 02 trường hợp sau: (a) Áp dụng một tội danh khác có mức độ nghiêm khắc thấp hơn so với tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên; (b) Áp dụng một khoản nhẹ hơn (loại tội phạm nhẹ hơn) trong cùng một

²⁴ Theo khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì hình phạt tù từ **02 năm đến 06 năm**. Trong khi đó khoản 2 Điều 104 BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) thì hình phạt tù từ **02 năm đến 07 năm**

điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên. Như vậy, các trường hợp áp dụng điều, khoản của BLHS về tội nặng hơn được giải thích theo hướng ngược lại.

Đặc biệt, HĐXX phúc thẩm cần so sánh khoản cụ thể của điều luật sẽ áp dụng với khoản của điều luật đã tuyên ở cấp sơ thẩm để xác định mức độ nặng, nhẹ (bất lợi hay có lợi cho bị cáo). Nếu tội danh mà Tòa án cấp phúc thẩm muốn áp dụng nhẹ hơn tội đã tuyên trong bản án sơ thẩm (căn cứ vào loại hình phạt nghiêm khắc nhất) nhưng khoản cụ thể của điều luật quy định về tội danh này lại nặng hơn khoản mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng thì vẫn xem là trường hợp sửa án theo hướng bất lợi cho bị cáo. Nói cách khác, “điều, khoản nhẹ hơn” phải được hiểu là “*cả điều và khoản*” đều nhẹ hơn²⁵.

Thứ hai, về các điều kiện để HĐXX phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng áp dụng điều, khoản của BLHS về tội nặng hơn, tác giả đề xuất hướng dẫn bao gồm 03 điều kiện: (a) Có kháng cáo và/hoặc kháng nghị yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng áp dụng điều, khoản của BLHS về tội nặng hơn; (b) Có căn cứ cho thấy các quyết định trong bản án sơ thẩm là quá nhẹ đối với bị cáo; và (c) Điều, khoản của BLHS về tội nặng hơn không được vượt quá phạm vi truy tố ở cấp sơ thẩm²⁶. Trong trường hợp cần áp dụng điều, khoản của BLHS về tội nặng hơn nhưng vượt phạm vi truy tố ở cấp sơ thẩm thì căn cứ quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 358 BLTTHS năm 2015, HĐXX phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại. Đây là trường hợp “*có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật nhưng không*

thuộc trường hợp HĐXX phúc thẩm sửa bản án theo quy định tại Điều 357 của BLTTHS năm 2015”.

Thứ ba, mở rộng phạm vi chủ thể có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không có lợi cho bị cáo bảo đảm sự tương thích với phạm vi chủ thể có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 BLTTHS năm 2015. Như đã trình bày, hiện nay theo quy định tại khoản 2 Điều 357 BLTTHS năm 2015, chỉ có Viện kiểm sát kháng nghị hoặc bị hại kháng cáo yêu cầu thì Tòa án cấp phúc thẩm mới có thể sửa bản án sơ thẩm theo hướng không có lợi cho bị cáo. Trong khi đó, phạm vi các chủ thể có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 của Bộ luật này rộng hơn rất nhiều. Về nguyên tắc khi đã xác định họ là chủ thể của quyền kháng cáo liên quan đến trách nhiệm hình sự hoặc dân sự của bị cáo (ví dụ đại diện của bị hại, nguyên đơn dân sự) thì việc không cho phép những người này kháng cáo theo hướng bất lợi cho bị cáo là không hợp lý.

Thứ tư, sửa khoản 3 Điều 357 BLTTHS năm 2015 theo hướng HĐXX phúc thẩm không có quyền giảm mức bồi thường thiệt hại cho những bị cáo không kháng cáo hoặc không bị kháng cáo, kháng nghị. Như đã phân tích, vấn đề bồi thường thiệt hại mang tính chất dân sự, do đó khi các bên liên quan đã đồng ý với bản án sơ thẩm thì không nên trao cho Tòa án cấp phúc thẩm quyền sửa nội dung này.

Thứ năm, bổ sung một khoản mới vào Điều 357 BLTTHS năm 2015 ghi nhận những trường hợp sửa bản án sơ thẩm của Tòa án cấp phúc thẩm ở một số địa phương như đã trình bày ở mục 3 của bài viết và những trường hợp dự phòng khác không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo, người tham gia tố

²⁵ Nguyễn Thị Thanh Trà (2021), tldđ (chú thích số 22), tr. 22

²⁶ Nguyễn Thị Thủy Tiên (2020), tldđ (chú thích số 01), tr. 42

tụng khác. Điều này giúp tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, rõ ràng cho việc sửa bản án sơ thẩm của Tòa án cấp phúc thẩm, tuân thủ nguyên tắc bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa trong TTTHS; tránh thực trạng HĐXX phúc thẩm phải tạm thời miễn cưỡng sử dụng các căn cứ pháp lý chung chung để sửa bản án sơ thẩm.

Trên cơ sở một số đề xuất trên, Điều 357 BLTTHS năm 2015 có thể được xem xét sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 357. Sửa bản án sơ thẩm

1...

2. Trường hợp Viện kiểm sát kháng nghị hoặc những người có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 của Bộ luật này yêu cầu thì Hội đồng xét xử phúc thẩm có thể:

a)...

3. Trường hợp có căn cứ, Hội đồng xét xử phúc thẩm có thể sửa bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều này, trừ việc giảm mức bồi thường thiệt hại, cho những bị cáo không kháng cáo hoặc không bị kháng cáo, kháng nghị.

4. Khi có căn cứ, Hội đồng xét xử phúc thẩm có thể:

a) Miễn, giảm án phí cho bị cáo hoặc buộc bị cáo phải chịu án phí;

b) Sửa đổi điều, khoản của Bộ luật Hình sự đã áp dụng cho phù hợp nhưng không ảnh hưởng đến trách nhiệm hình sự của bị cáo;

c) Sửa đổi, bổ sung những thông tin khác trong bản án sơ thẩm nhưng không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo, những người tham gia tố tụng khác.”./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bản án số 41/2019/HS-PT ngày 22/01/2019 của TAND cấp cao tại TP. HCM;
2. Bản án số 10/2020/HS-PT ngày 19/02/2020 của TAND tỉnh Bạc Liêu;
3. Bản án số 24/2020/HS-PT ngày 25/02/2020

của TAND tỉnh Bạc Liêu;

4. Bản án số 42/2010/HSPT ngày 26/5/2020 của TAND tỉnh Phú Yên;

5. Nguyễn Hải Bằng, Nguyễn Cẩm Tú (03/12/2019), “*Thẩm quyền xét xử các vụ án về tội phạm xâm hại tình dục trẻ em tại Tòa án nhân dân cấp cao; một số vướng mắc và kiến nghị*”, Tạp chí TAND điện tử. Nguồn truy cập: <https://tapchitoaan.vn/bai-viet/phap-luat/thuc-tien-thuc-hien-tham-quyen-xet-xu-cac-vu-an-ve-toi-pham-xam-hai-tinh-duc-tre-em-tai-toa-an-nhan-dan-cap-cao-nhung-ton-tai-vuong-mac-va-mot-so-kien-nghi>;

6. Lê Huỳnh Tấn Duy (2021), *Thẩm quyền của Hội đồng xét xử phúc thẩm đối với bản án hình sự sơ thẩm: Phân tích quy định của pháp luật và bình luận bản án, quyết định*, Nxb. Đại học quốc gia TP. HCM;

7. Vũ Gia Lâm, “*Phạm vi xét xử phúc thẩm về hình sự và quyền sửa bản án sơ thẩm*”, Tạp chí Luật học số 05/2010;

8. Nguyễn Tiến Pháp (2010), *Quyền hạn của Tòa án cấp phúc thẩm trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ luật, Trường Đại học Luật TP. HCM;

9. Đinh Văn Quế (09/01/2012), “*Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng Điều khoản của BLHS về tội nặng hơn: Những vấn đề lý luận và thực tiễn*”. Nguồn: http://hvta.toaan.gov.vn/portal/page/portal/tandtc/baiviet?p_page_id=1754190&p_cateid=1751909&article_details=1&item_id=14078019;

10. Đinh Văn Quế, “*Thẩm quyền và phạm vi quyết định của Tòa án cấp phúc thẩm*”. Nguồn: http://hvta.toaan.gov.vn/portal/page/portal/tandtc/baiviet?p_page_id=1754190&p_cateid=1751909&article_details=1&item_id=14078051;

11. Quyết định Giám đốc thẩm số 36/2017/HS-GĐT ngày 07/06/2017 của Ủy ban Thẩm phán TAND cấp cao tại TP. HCM;

12. Nguyễn Thị Thủy Tiên (2020), *Quyền sửa bản án sơ thẩm của Hội đồng xét xử phúc thẩm theo luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ luật, Trường Đại học Luật TP. HCM;

13. Nguyễn Thị Thanh Trà (2021), *Quyền sửa bản án sơ thẩm của Hội đồng xét xử phúc thẩm theo luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Luật TP. HCM;

14. Nguyễn Văn Trọng, “*Hoàn thiện một số quy định của BLTTHS về xét xử phúc thẩm*”, Tạp chí Dân chủ & Pháp luật số 11 (236)/2011.